

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	8
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2, 3	10
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	10
Mở đầu	10
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	11
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	13
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	15
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	17
Tiêu chí 1.5: Lớp học	19
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	21
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	24
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	33
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	34
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	36
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	39
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	41
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	44
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	46
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	52
Tiêu chí 3.6: Thư viện	54
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	57
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	58
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	60
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	63
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	66
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	69
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	71
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	73
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	75
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	80
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	80
Phần IV. PHỤ LỤC	82

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2			x	
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5				x
Tiêu chí 1.6			x	
Tiêu chí 1.7			x	
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10			x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3			x	
Tiêu chí 2.4				x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1			x	
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3			x	
Tiêu chí 3.4			x	
Tiêu chí 3.5				x
Tiêu chí 3.6				x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				x
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				x
Tiêu chí 5.2				x
Tiêu chí 5.3			x	
Tiêu chí 5.4			x	
Tiêu chí 5.5				x
Tiêu chí 5.6			x	

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Lê Ý Trang
Huyện /quận/ thị xã/ thành phố	Tân Bình	Điện thoại	
Xã / phường/thị trấn	9	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	thcsphamngocthach.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1970	Số điểm trường	1
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
Khối lớp 6	8	9	8	8	7
Khối lớp 7	7	8	9	8	8
Khối lớp 8	8	6	8	7	8
Khối lớp 9	7	7	5	7	7
Cộng	30	30	30	30	30

2. Số phòng học và các phòng chức năng khác

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
1	Phòng học kiên cố	20	20	20	20	20	
2	Phòng học bán kiên cố	00	00	00	00	00	

3	Phòng học tạm	00	00	00	00	00	
4	Các phòng chức năng khác	5	5	5	5	5	
	Cộng	25	25	25	25	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: Tháng 04/2019

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1				1	
Phó hiệu trưởng	2	1				2	
Giáo viên	54	41	2		5	49	
Nhân viên	6	4			2		
Cộng	63	47	2		7	52	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018
1	Tổng số giáo viên	62	57	56	55	51
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,06	1,9	1,87	1,83	1,7
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	$62/934 = 0,06$	$57/947 = 0,06$	$56/943 = 0,06$	$55/985 = 0,06$	$51/904 = 0,06$
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	03	02	02	01	00
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	00	00	00	00
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	934	952	943	985	904	
	- Nữ	450	442	436	438	393	
	- Dân tộc	235	200	182	173	172	
	- Khối lớp 6	272	289	279	299	190	
	- Khối lớp 7	211	253	255	258	271	
	- Khối lớp 8	247	195	225	223	241	
	- Khối lớp 9	204	215	184	205	202	
2	Tổng số tuyển mới	272	289	279	299	190	
3	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
4	Bán trú	00	00	00	00	00	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/ lớp học	31,1	31,6	31,4	32,8	30,1	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	48,2%	46,4%	46,2%	44,5%	43,5%	
	- Dân tộc	25,2%	21,0%	19,3%	17,6%	19,0%	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	19 quận, 03 thành phố	14 quận, 02 thành phố	13 quận, 07 thành phố	08 quận, 02 thành phố	10 quận, 04 thành phố	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	18	22	19	62	53	
	- Nữ	12	10	9	30	22	
	- Dân tộc	10	12	7	19	25	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00	

	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
--	---------------------------	----	----	----	----	----	--

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	33,0	25,8	24,9	19,8	28,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	40,5	45,1	40,6	41,5	41,9	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	2,8	4,6	5,1	7,2	2,9	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	83,5	85,5	85,2	90,9	92,5	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	14,7	12,6	11,9	6,6	7,4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	1,7	1,9	2,9	2,5	0,1	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Năm 1975, Trường Tư thực Lạc Thiện được quốc lập hóa thành Trường Phổ thông cơ sở cấp 1, 2 Hữu Nghị theo Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 8 tháng 5 năm 1978 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1989, trường chuyển thành Trường Phổ thông cấp 2 Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 136/QĐ-UB ngày 31 tháng 7 năm 1989 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Năm 1991, trường chuyển thành Trường Phổ thông cấp 2 Bán công Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 14/QĐ-UB ngày 3 tháng 6 năm 1991. Năm 1998, trường chuyển thành trường Trung học cơ sở Bán công Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 62 /GD-ĐT/TC-QĐ ngày 4 tháng 7 năm 1998 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 2007, Trường Trung học cơ sở Bán công Phạm Ngọc Thạch được chuyển thành Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và được duy trì cho đến hiện nay.

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch ngụ tại số 17-19 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình. Trường nằm trong khu vực có khá đông dân cư là người dân tộc Hoa, mức dân trí không cao; phần lớn dân cư sinh sống chủ yếu là sản xuất gia công, buôn bán nhỏ,... nên việc quan tâm của phụ huynh đến học sinh có những hạn chế nhất định.

Số học sinh của trường qua từng giai đoạn có nhiều biến động và có xu hướng giảm dần. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường hiện nay tuy có xuống cấp, còn nhiều khó khăn nhưng vẫn đảm bảo việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đáp ứng được yêu cầu đổi mới hiện nay.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường hầu hết đều có trình độ trên chuẩn; nhiệt tình, tâm huyết trong công tác. Do đó, chất lượng giáo dục của nhà

tương đối tốt và ổn định; nhiều năm liên trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc của thành phố. Năm học 2013-2014, trường vinh dự được nhận Bằng khen do Bộ giáo dục và Đào tạo trao tặng. Năm học 2014-2015, trường tiếp tục vinh dự nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc của thành phố.

2. Mục đích tự đánh giá

Việc tiến hành tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nhằm mục đích giúp tập thể sư phạm của nhà trường có cái nhìn tổng quan về những mặt mạnh, mặt yếu của nhà trường so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ đó nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Về phạm vi tự đánh giá: Toàn bộ các hoạt động của nhà trường theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Để tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tài liệu hướng dẫn, đối chiếu với tình hình thực tế của nhà trường và hồ sơ minh chứng để tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình hoạt động tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch được thành lập theo Quyết định số 36/QĐ-PNT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường THCS Phạm Ngọc Thạch, gồm có 07 thành viên.

Từ 25/02/2019 đến 02/03/2019: Hội đồng Tự đánh giá phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; xây dựng và ban hành Kế hoạch Tự đánh giá; phổ

biển Kế hoạch Tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.

Từ 04/03/2019 đến 30/03/2019: Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ cho các thành viên Hội đồng Tự đánh giá; các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí được phân công; xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng; thực hiện phân loại và mã hoá các minh chứng thu được; tiến hành viết Phiếu đánh giá tiêu chí theo phân công.

Từ 01/04/2019 đến 20/05/2019: Viết và hoàn chỉnh Báo cáo Tự đánh giá; công bố Báo cáo Tự đánh giá.

Sau khi hoàn thành quá trình tự đánh giá, nhà trường tổ chức triển khai và thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có cơ cấu tổ chức đầy đủ và hoạt động theo Điều lệ trường Trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo, theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.

Trong định hướng chiến lược xây dựng phát triển của nhà trường trong những năm học tới đó là tăng cường củng cố tổ chức Đảng trong nhà trường, nhằm phát huy vai trò hạt nhân, lãnh đạo các hoạt động của nhà trường; tiếp tục giữ vững các danh hiệu và kết quả đánh giá đã đạt được trong những năm qua; xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng về: hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; phát huy vai trò chủ động và linh hoạt của tổ trưởng, nhóm trưởng trong tổ chức và thực hiện hoạt động; phát huy quyền và trách nhiệm trong thực hiện dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2015 - 2016, nhà trường đã xây dựng “Kế hoạch chiến lược phát triển trường trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch giai đoạn 2016 - 2020” phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại khoản 3, Điều 27 Luật giáo dục số 38/2005/QH11, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận Tân Bình theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ quận Tân Bình lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ đặc điểm tình hình, định hướng, mục tiêu, giải pháp chiến lược và tổ chức thực hiện chiến lược giai đoạn 2016 - 2020. Chiến lược phát triển đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình phê duyệt [H1-1.1-02].

Chiến lược phát triển của nhà trường được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh bằng hình thức niêm yết tại bảng thông báo, công khai trên website của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn được tổ chức thực hiện thông qua kế hoạch từng năm học; qua đó cán bộ quản lý, giáo viên có thể theo dõi, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình thực hiện. Tuy nhiên, việc giám sát còn chung chung, chưa có giải pháp và phân công nhân sự cụ thể [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, trên cơ sở đánh giá kết quả mọi hoạt động trong năm học nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các nội dung đã thực hiện được và chưa thực hiện được; từ đó định hướng, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược thực hiện trong năm học tiếp theo [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của nhà trường và của địa phương; được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường đồng tình và thống nhất quyết tâm thực hiện.

3. Điểm yếu:

Các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển còn chung chung, chưa cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018-2019, bên cạnh việc tổ chức hiện chiến lược xây dựng và phát triển trường, hiệu trưởng xây dựng các giải pháp giám sát cụ thể, xác định trách nhiệm và phân công nhân sự giám sát thường xuyên tiến độ thực hiện, kết quả thực hiện để làm cơ sở xây dựng phương hướng bổ sung cho kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở được thành lập theo Điều 20 của Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Hội đồng trường và các hội đồng như Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 20, 21 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành theo Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 28 tháng 3 năm 2011. Các hội đồng khác như: Hội đồng chăm

sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở... thực hiện chức năng và nhiệm vụ căn cứ theo quyết định thành lập. Trong quá trình hoạt động của các hội đồng; còn một hai thành viên thực hiện nhiệm vụ chưa đúng tiến độ đề ra, chưa mạnh dạn nêu các kiến nghị đề xuất [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Sau mỗi hoạt động của các hội đồng, Hiệu trưởng thực hiện rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của các hội đồng để từ đó rút kinh nghiệm, đánh giá để có định hướng điều chỉnh nội dung, cách thức tổ chức và phối hợp [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng hội đồng; giúp hiệu trưởng định hướng mục tiêu, kế hoạch phát triển nhà trường; cùng tham gia giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ; góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục; tạo dựng được niềm tin trong cha mẹ học sinh và địa phương về sự phát triển của nhà trường [H1-1.2-07]; [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng trong nhà trường đã phát huy tốt vai trò và nhiệm vụ, góp phần vào sự thành công chung của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Một số thành viên thực hiện nhiệm vụ chưa đúng tiến độ, chưa mạnh dạn nêu các kiến nghị đề xuất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2018-2019, hiệu trưởng quán triệt vai trò, chức năng, nhiệm vụ mỗi thành viên trong từng hội đồng; tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát; động viên khuyến khích kịp thời các thành viên trong các hội đồng để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có Chi bộ Đảng, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ chức Công đoàn theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

Chi bộ Đảng trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động theo điều lệ và quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Định kỳ hằng tháng và cuối năm học, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm để định hướng và tổ chức hoạt động tốt hơn trong các năm học tới.

Mức 3:

Chi bộ nhà trường hiện có 14 đảng viên (trong đó có 02 dự bị), giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong trường như chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường trong từng năm học. Trong 05 năm liên tiếp từ 2014 đến 2018 Chi bộ đều đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-01].

Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội đã có đóng góp tích cực trong công tác tập hợp quần chúng, xung kích trong thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với tình hình nhà trường, đáp ứng được yêu cầu của giáo viên, nhân viên và học sinh. Chi đoàn phần lớn là giáo viên nữ nên có những hạn chế nhất định trong một số hoạt động. Trong những năm qua, Công đoàn nhà trường luôn được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh, Chi đoàn được công nhận là vững mạnh xuất sắc, Liên đội được công nhận là xuất sắc [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh:

Chi bộ Đảng nhiều năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, các đoàn thể nhiều năm được công nhận là vững mạnh hoặc xuất sắc.

3. Điểm yếu:

Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường phần lớn đoàn viên là nữ nên có những hạn chế nhất định trong một số hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Cấp ủy Chi bộ không ngừng củng cố tổ chức Đảng trong nhà trường, phát huy vai trò hạt nhân, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường; lãnh đạo các đoàn

thể hoạt động hiệu quả, tiếp tục giữ vững các danh hiệu và kết quả đánh giá đã đạt được trong những năm qua.

Trong năm học 2018-2019, Hiệu trưởng phối hợp cùng Công đoàn, Chi đoàn có sự phân công giáo viên không phải là đoàn viên, tham gia hỗ trợ cho Chi đoàn trong một số hoạt động cụ thể. Đoàn viên, khuyến khích kịp thời đoàn viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có một hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng theo đúng quy định của Điều 7 Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày

12/7/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 6 tổ chuyên môn gồm tổ Ngữ văn, tổ Toán - Tin học, tổ Ngoại ngữ, tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân, tổ Lý - Hóa - Sinh - Công nghệ, tổ Văn thể mỹ (gồm bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục) và tổ văn phòng. Trong mỗi tổ tùy theo đặc thù bộ môn có thể phân chia thành nhóm như nhóm Sử, nhóm Địa, nhóm Hóa,... Mỗi tổ đều có một tổ trưởng, một tổ phó, do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, ngoài ra có thể có nhóm trưởng do trong tổ phân công (nếu trong tổ có chia nhóm). Một số tổ trưởng, nhóm trưởng chưa chủ động và linh hoạt trong tổ chức và thực hiện kế hoạch đề ra [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Hàng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ dựa trên kế hoạch chung của nhà trường và phù hợp với đặc điểm tình hình của tổ. Các tổ thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

Từ năm học 2017-2018, mỗi tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện 02 chuyên đề trong năm học, các chuyên đề tập trung vào nội dung đổi mới phương pháp, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn,... Các chuyên đề đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của tổ chuyên môn, của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng họp định kỳ 2 lần/ tháng, nhóm họp 4 lần/ tháng để đánh giá tình hình thực hiện chương trình giáo dục, trao đổi và triển khai công tác chuyên môn; đồng thời rà soát, đánh giá các hoạt động của tổ nhóm. Trên cơ sở đó định hướng và thống nhất các nội dung hoạt động trong thời gian tới [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

Mức 3:

Căn cứ trên mục tiêu kế hoạch đề ra ở từng năm học, đối chiếu với kết quả đạt được ở từng học kỳ, từng năm học ở từng bộ môn cho thấy hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã góp phần nâng cao chất lượng ở các bộ môn, góp phần giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ trong từng năm học [H1-1.4-06].

Các chuyên đề của tổ chuyên môn triển khai thực hiện trong từng năm học được xây dựng trên tình hình thực tế của từng bộ môn, của nhà trường nên đem lại những hiệu quả thiết thực, giúp giáo viên học hỏi và trao đổi kinh nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh:

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện được 02 chuyên đề định kỳ trong năm học, các chuyên đề mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số tổ trưởng, nhóm trưởng chưa chủ động và linh hoạt trong tổ chức và thực hiện kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2018-2019, hiệu trưởng quán triệt đội ngũ tổ trưởng, nhóm trưởng cần phát huy vai trò chủ động trong thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chuyên đề chuyên môn phù hợp nhằm nâng cao chất lượng bộ môn và hiệu quả hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có đủ 4 khối lớp, gồm khối lớp 6, khối lớp 7, khối lớp 8 và khối lớp 9. Mỗi khối lớp trung bình có từ 6 - 7 lớp trở lên tùy theo từng năm học. Do đặc thù trường nằm ở khu vực địa bàn có nhiều người Hoa, nên bên cạnh các lớp học bình thường, mỗi khối của trường có 01 lớp Tăng cường Tiếng Trung [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Học sinh được tổ chức theo đơn vị lớp, mỗi lớp có một giáo viên chủ nhiệm do hiệu trưởng phân công vào đầu năm học. Mỗi lớp có ban cán sự gồm lớp trưởng, lớp phó. Trong từng lớp được chia thành các tổ; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.5-02].

Ban cán sự mỗi lớp như lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng do tập thể học sinh trong lớp bầu ra. Ban cán sự lớp có nhiệm vụ nhắc nhở, quản lý các hoạt động chung của lớp như: tình hình học tập bộ môn, việc thực hiện nội quy trường lớp, tham gia các phong trào, thực hiện báo cáo với giáo viên chủ nhiệm... Tuy nhiên năng lực tự quản của học sinh một vài lớp chưa tốt [H1-1.5-02].

Mức 2:

Số lớp của Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch trong những năm qua trung bình là 30 lớp. Số học sinh trong mỗi lớp hằng năm không vượt quá 45 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Số lớp của Trường Trung học sơ sở Phạm Ngọc Thạch trong các năm không vượt quá 45 lớp, số học sinh trong mỗi lớp không vượt quá 45 [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh:

Trường có đủ các lớp của cấp học; số lớp, số học sinh của một lớp không vượt quá quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên quan tâm, sâu sát đến học sinh.

3. Điểm yếu:

Có một vài lớp năng lực tự quản của học sinh chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018 – 2019, hiệu trưởng duy trì biên chế lớp hợp lý về sĩ số phù hợp với thực trạng cơ sở vật chất, phòng học của nhà trường.

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyên đề về công tác chủ nhiệm nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm về công tác tổ chức quản lý lớp, các chuyên đề giáo dục học sinh tính tự quản. Quán triệt chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tăng cường việc hướng dẫn cho cán bộ lớp vai trò trách nhiệm trong quản lý, điều hành lớp; giáo dục học sinh ý thức trách nhiệm của học sinh khi đến lớp,... để từ đó rèn luyện và nâng cao kỹ năng tự quản cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường theo Điều 27 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2011 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm có:

+ Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; Sổ quản lý tài chính được lưu trữ tại phòng Kế toán [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

+ Sổ đăng bộ; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; Sổ gọi tên và ghi điểm; Học bạ học sinh; Sổ ghi đầu bài; Sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; được lưu trữ tại phòng Văn thư, học vụ [H1-1.6-03]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

+ Biên bản họp của Hội đồng trường; Hồ sơ thi đua; Hồ sơ cán bộ, công chức, nhân viên; Hồ sơ kỷ luật được lưu trữ tại phòng Hiệu trưởng [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.6-08].

+ Hồ sơ thư viện được lưu trữ tại phòng Thư viện [H1-1.6-09].

+ Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh được lưu trữ tại phòng Y tế [H1-1.6-10].

+ Hồ sơ tổ nhóm chuyên môn; Sổ điểm cá nhân; Sổ chủ nhiệm được lưu trữ tại phòng Học vụ [H1-1.4-03]; [H1-1.5-02]; [H1-1.6-11].

Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ các báo cáo về tài chính, tài sản theo đúng quy định. Nhà trường đã lập dự toán nguồn thu, chi, phù hợp với hoạt động của đơn vị mình, thực hiện thu, chi, quyết toán thống kê, báo cáo, quyết toán tài chính, tài sản theo chế độ kế toán, tài chính của nhà nước. Nhà trường có Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai lấy ý kiến của tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hàng năm nhà trường thực hiện công khai các nguồn thu, mục đích sử dụng trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo theo đúng Quy chế ba công khai thông qua hội nghị cán bộ công chức và thông báo trên bảng tin của trường [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, chăm lo điều kiện vật chất và tinh thần cho hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; không để xảy ra thất thoát, sai phạm [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính như phần mềm quản lý sổ điểm điện tử Vietschool, phần mềm bảo hiểm xã hội TS24 để theo dõi quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động của trường; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức để theo dõi tình hình nâng lương, khen thưởng, quá trình công tác, lý lịch của Cán bộ, công chức, viên chức (www.cbcc.hochiminhcity.gov.vn); phần mềm quản lý tài sản (www.qltsnn.mof.gov.vn) để theo dõi việc tăng, giảm, khấu hao tài sản cố định; phần mềm kế toán IMAS để theo dõi cập nhật thu chi hàng ngày, báo cáo tồn các quỹ, báo cáo tài chính hoạt động hằng năm [H1-1.5-03]; [H1-1.6-01]; [H1-1.6-12].

Từ năm học 2015 -2016 đến nay, theo các biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên về công tác tài chính, kế toán,... trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường hiện chưa có kế hoạch để tạo các nguồn tài chính hợp pháp mà chủ yếu sử dụng nguồn thu học phí và các nguồn phải thu theo thoả thuận với cha mẹ học sinh theo các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong năm học của các cơ sở giáo dục [H1-1.6-13].

2. Điểm mạnh:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có những vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính.

3. Điểm yếu:

Trường chưa xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2019, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên các bộ phận phát huy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hành chính, tài chính, tài sản, thu chi tài chính của nhà trường; thường xuyên cập nhật thông tin trên hệ thống các phần mềm đang sử dụng.

Từ năm 2019 – 2020, hiệu trưởng định hướng và xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm tạo nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện của nhà trường để tăng cường các điều kiện vật chất trong việc chăm lo cho học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2: Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hàng năm, hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong dịp hè hoặc đầu năm học như bồi dưỡng chính trị, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Bình tổ chức; bên cạnh đó, cán bộ, giáo viên, nhân viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên định hướng và tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong từng năm học [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Đầu mỗi năm học, căn cứ tình hình nhân sự nhà trường phân công chuyên môn và công tác kiêm nhiệm cho từng giáo viên phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn chuyên môn, nguyện vọng cá nhân và phù hợp với tình hình của trường. Việc phân công được phổ biến công khai trong buổi họp toàn trường đầu năm học [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo và theo quy chế của nhà trường như: được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe định kỳ hằng năm; đảm bảo chế độ lương và các chế độ, chính sách quy định; được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đoàn thể để tham gia đóng góp vào hoạt động của nhà trường... [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

Để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; hiệu trưởng phân công công việc phù hợp, phối hợp cùng Công đoàn, kế toán thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách kịp thời; xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng rõ ràng, phù hợp nhằm khuyến khích kịp thời cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, do chưa có được các nguồn tài chính hợp pháp nên nguồn kinh phí phục vụ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi còn hạn chế [H1-1.2-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện đảm bảo các quyền cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo quy định.

3. Điểm yếu:

Chưa có biện pháp tìm nguồn kinh phí để phục vụ công tác dưỡng học sinh giỏi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019 – 2020, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tạo nguồn kinh phí phục vụ cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm góp phần phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đồng thời phối hợp cùng các bộ phận kế toán, Công đoàn tiếp tục thực hiện đúng và kịp thời các chế độ chính sách, lương... nhằm đảm bảo các quyền cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Đầu năm học, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình, căn cứ vào điều kiện thực tế nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục hoạt động trong năm học. Kế hoạch giáo dục bao gồm các nội dung thực hiện chương trình; các mục tiêu, giải pháp trong thực hiện công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Kế hoạch giáo dục sau khi được sự thống nhất và đồng tình của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên được nhà trường, tổ chuyên môn và các bộ phận triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo nội dung kế hoạch đề ra [H1-1.8-01].

Hàng tháng, các tổ nhóm tự đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục, từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình học sinh và nhà trường. Tuy nhiên, một số tổ chuyên môn còn đề cán bộ quản lý nhắc nhở về việc ghi nhận các biên bản rà soát đánh giá [H1-1.4-03]. Sau mỗi học kỳ, nhà trường thực hiện đánh giá sơ kết, tổng kết để từ đó rút kinh nghiệm, đưa ra giải pháp và định hướng trong học kỳ sau và những năm học tiếp theo [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra các bộ phận, giáo viên, nhân viên trong từng năm học. Thông qua đó cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá công việc của giáo viên và bộ phận trong quá trình thực hiện kế hoạch [H1-1.8-02]. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình trong năm học cũng về kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.8-03].

Theo nhu cầu của phụ huynh và học sinh, nhà trường có tổ chức dạy thêm học thêm trong nhà trường ở một số bộ môn như Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh,... hoạt động dạy thêm học thêm được thực hiện đúng theo quy định [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai và thực hiện đầy đủ.

3. Điểm yếu:

Một số tổ chuyên môn còn để cán bộ quản lý nhắc nhở về việc ghi nhận các biên bản rà soát, đánh giá chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019 – 2020, cán bộ quản lý tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, kịp thời chấn chỉnh và điều chỉnh các bộ phận. Đồng thời quán triệt tổ trưởng, nhóm trưởng cần ghi nhận đầy đủ trong biên bản các nội dung họp tổ, họp nhóm theo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về việc xây dựng nội quy, quy chế nhà trường; kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường; kế hoạch năm học; kế hoạch giáo dục; kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ; kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất; các biện pháp tổ chức phong trào thi đua trong nhà trường; ... thông qua các buổi họp hội đồng trường, hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, họp tổ công đoàn. Tuy nhiên, còn một số giáo viên, nhân viên chưa phát huy quyền dân chủ đề mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.2-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Học sinh được tham gia ý kiến về các hoạt động của nhà trường thông qua các buổi sinh hoạt tập thể đầu tuần, qua buổi họp cán bộ các lớp cùng ban giám hiệu, qua giáo viên chủ nhiệm lớp [H1-1.5-02]; [H1-1.9-03].

Khi có các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thể trình bày ngay trong các buổi họp hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, họp tổ công đoàn hoặc thông qua tổ chức công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân để được giải quyết đúng trình tự và theo quy định của pháp luật [H1-1.2-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04]

Hàng năm, nhà trường báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường và báo cáo theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.3-02]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

Mức 2:

Để giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, Hiệu trưởng đã xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa chính quyền và Công đoàn cơ sở; phát huy vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức gặp gỡ, đối thoại với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh của trường; nâng cao trách nhiệm của từng thành viên trong việc giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02]; [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ sở, trong 5 năm học gần đây, nhà trường không có cá nhân nào vi phạm quy chế dân chủ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên, nhân viên chưa phát huy quyền và trách nhiệm trong thực hiện dân chủ, chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo Ban chấp hành Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân phát huy vai trò của mình, kịp thời nắm bắt được nguyện vọng cũng như động viên khuyến khích những cá nhân đóng góp ý kiến để phục vụ nhiều hơn cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Đồng thời quán triệt trong cán bộ, giáo viên, nhân viên về vai trò, quyền và trách nhiệm của mình trong thực hiện quy chế dân chủ; mỗi thành viên trong nhà trường cần chủ động nắm bắt thông tin một cách đầy đủ, chính xác; tăng cường trao đổi, đối thoại với đồng nghiệp, Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn... để được thông hiểu, giải đáp thắc mắc; mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng cho các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và đăng ký thực hiện an ninh trật tự trường học; có kế hoạch an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; kế hoạch phòng, chống bạo lực trong nhà trường; có nội quy trong đó quy định rõ các nội dung học sinh không được phép làm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Thực hiện đầy đủ các hồ sơ liên quan đến hoạt động của căn tin để đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-05].

Nhà trường cung cấp số điện thoại, lịch tiếp công dân để phụ huynh học sinh có thể có gặp gỡ, trao đổi hoặc có ý kiến, phản ánh khi cần. Các ý kiến luôn được nhà trường tiếp nhận và giải quyết kịp thời [H1-1.10-06].

Trong trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới. Học sinh được yêu thương, tôn trọng, đối xử bình đẳng [H1-1.2-03]; [H2-2.4-01].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện các biện pháp, kỹ năng, phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh, tệ nạn xã hội và bạo lực học đường, giáo dục thực hiện an toàn giao thông, giáo dục về bình đẳng giới... thông qua các buổi sinh hoạt đầu tuần, báo cáo chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, hội họp; thực hiện các nội dung trong tiết Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.6-13]; [H1-1.10-07]; [H4-4.2-02]. Nhà trường cũng đã đạt được chứng nhận trường học an toàn về an ninh trật tự, đơn vị văn hoá trong nhiều năm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-08].

Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận như giám thị, giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách đội thường xuyên kiểm tra nề nếp học sinh nhằm ghi nhận, đánh giá tình hình thực hiện nội quy của trường; thu thập và xử lý kịp thời các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua đội sao đỏ, qua phản ánh của người dân. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vẫn có hiện tượng học sinh xích mích, mâu thuẫn với nhau vì những chuyện lặt vặt nhưng luôn được nhà trường xử lý và giáo dục kịp thời [H1-1.2-03]; [H2-2.4-01].

2. Điểm mạnh:

Trường có nhiều năm đạt chứng nhận trường học an toàn an ninh trật tự, đơn vị văn hoá.

3. Điểm yếu:

Trong trường thỉnh thoảng vẫn có hiện tượng học sinh xích mích, mâu thuẫn với nhau vì những chuyện lặt vặt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Liên Đội, Chi đoàn, giáo viên chủ nhiệm, giám thị thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát, xử lý kịp thời và nhắc nhở học sinh thực hiện tốt nề nếp kỷ luật trong nhà trường. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường thông qua các tiết kỹ năng sống, tiết ngoài giờ lên lớp, chuyên đề y tế,...

Đồng thời, giáo dục học sinh biết thực hiện tốt nội quy, biết xử lý và thông tin kịp thời cho thầy cô, giám thị, giáo viên chủ nhiệm về những mâu thuẫn, xích mích để có hướng can thiệp, giải quyết kịp thời, góp phần ngăn ngừa bạo lực học đường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Chi bộ Đảng nhiều năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, các đoàn thể nhiều năm được công nhận là vững mạnh hoặc xuất sắc.

Hàng năm, tổ chuyên môn đã thực hiện được 02 chuyên đề định kỳ trong năm học, các chuyên đề mang tính thiết thực, phù hợp với điều kiện của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có những vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính.

Điểm yếu cơ bản:

Một số giáo viên, nhân viên chưa phát huy quyền và trách nhiệm trong thực hiện dân chủ, chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

Trường chưa xây dựng được kế hoạch để tạo các nguồn kinh phí hợp pháp phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá; hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường được đánh giá đạt chuẩn quy định từ khá trở lên; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; số lượng nhân viên đáp ứng được các vị trí công việc thực tế của nhà trường; học sinh đảm bảo về độ tuổi, được hưởng các quyền và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm học 2019 – 2020, trường tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên thư viện học đạt chuẩn quy định; có kế hoạch phân công giáo viên thực hiện các báo cáo khoa học; tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp giữa các bộ phận giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giám thị và phụ huynh trong việc giáo dục học sinh thực hiện tốt nề nếp học tập, kỷ luật, đạo đức, giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng; trong đó có 01 phó hiệu trưởng mới được bổ nhiệm từ năm học 2017-2018 [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt trình độ đại học, có trình độ trung cấp lý luận chính trị và đã qua đào tạo các lớp cán bộ quản lý [H1-1.6-08].

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của trường đều được đánh giá đạt chuẩn theo quy định của Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-03].

Hàng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn về chuyên môn giáo dục, nghiệp vụ quản lý do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị quận tổ chức; cá nhân hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]. Hiện nay, có 01 phó hiệu trưởng đang theo học lớp cao học để nâng cao trình độ [H1-1.6-08].

Mức 2:

Hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng trong 5 năm học, từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 đều được đánh giá đạt chuẩn mức tốt, 01 phó hiệu trưởng mới được bổ nhiệm từ năm học 2017-2018 nên chưa đủ đánh giá kết quả trong 05 năm liên tiếp [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đã qua lớp trung cấp chính trị và được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị hằng năm do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trường Bồi dưỡng giáo dục, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị quận tổ chức [H1-1.6-08]. Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng qua kết quả bỏ phiếu tín nhiệm hằng năm đều đạt tỷ lệ 100% [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 5 năm học, từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn mức tốt. 01 phó hiệu trưởng mới được bổ nhiệm từ năm học 2017-2018 nên kết quả đánh giá chuẩn chưa đủ 05 năm theo yêu cầu của tiêu chí [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trong 05 năm liên tiếp đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức tốt.

3. Điểm yếu

Có 01 phó hiệu trưởng mới được bổ nhiệm từ năm học 2017-2018 nên kết quả đánh giá chuẩn chưa đủ 5 năm theo yêu cầu của tiêu chí.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tiếp tục phát huy hơn nữa năng lực, trách nhiệm của mình vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng giáo dục của nhà trường. Tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do ngành tổ chức nhằm không ngừng nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tại thời điểm đánh giá, trường có 54 giáo viên; số lượng giáo viên đảm bảo về cơ cấu để thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông [H1-1.7-04].

100% giáo viên của trường đều đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
----	---------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

1	Tổng số giáo viên	57	56	56	54	54
2	Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn	51 89,4%	50 89,3%	51 91,1%	49 90,7%	49 90,7%

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

Căn cứ kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục hằng năm; nhà trường phân công cho giáo viên các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh như: Tổ chức học tập trải nghiệm tại Khu Du lịch sinh thái Về Quê ở Cù Chi cho khối 6-7; tham quan Nhà máy Bột ngọt Ajinomoto và biển Vũng Tàu (khối 8); học tập trải nghiệm cho học sinh khối 8, 9 tại Dambri; phối hợp cùng Trường Cao đẳng nghề Lý Tự Trọng tổ chức các chuyên đề định hướng phân luồng hướng nghiệp cho học sinh lớp 9... [H1-1.4-03]; [H1-1.10-07].

- Với các hoạt động nghiên cứu khoa học, tuy chưa hình thành và duy trì được các câu lạc bộ khoa học nhưng giáo viên đã từng bước hướng dẫn được cho học sinh các hoạt động nghiên cứu khoa học, học sinh đã thực hiện được một số đề tài thiết thực, phù hợp và đạt một số giải thưởng nhất định như: Đề tài “Sử dụng mạng Facebook trong học sinh” đạt giải khuyến khích cấp quận và giải khuyến khích cấp thành phố; đề tài “Phân loại rác thải” đạt giải 3 cấp quận [H1-1.4-03]; [H5-5.5-02].

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 89.3% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên nhà trường đã

hướng dẫn học sinh thực hiện được 02 đề tài nghiên cứu khoa học thiết thực đạt giải cấp quận thành phố; nhưng giáo viên chưa thực hiện được việc báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên; tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh; hướng dẫn học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu

Giáo viên chưa thực hiện được các hoạt động báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phối hợp cùng các đoàn thể trong nhà trường, có kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao để duy trì tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục phân công cho các tổ chuyên môn tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, hiệu trưởng có kế hoạch tổ chức báo cáo các đề tài sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên đã được công nhận cấp quận, thành phố trong tổ chuyên môn, trong toàn trường; khuyến khích giáo viên đầu tư vào các nghiên cứu khoa học dưới hình thức các chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 6 nhân viên gồm: kế toán, thủ quỹ (kiêm văn thư), 02 bảo vệ, 02 phục vụ; 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác phòng thí nghiệm, 01 nhân viên thư viện kiêm nhiệm thiết bị, và hợp đồng 01 nhân viên y tế [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Các nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp, theo đúng năng lực thực tế của từng người [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Qua kết quả đánh giá hằng năm, 100% nhân viên được nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2:

Với các vị trí công việc thực tế của trường, số lượng 6 nhân viên hiện đã đáp ứng được cơ cấu theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

Mức 3:

Đa số trình độ đào tạo của nhân viên đáp ứng được vị trí công việc, riêng nhân

viên thư viện đang theo học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để đáp ứng chuẩn và chức danh vị trí việc làm theo quy định [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]; [H2-2.1-03].

Theo kế hoạch hằng năm của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình, khi có các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ dành cho nhân viên theo vị trí việc làm, nhà trường đều cử nhân viên tham gia học tập đầy đủ [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

100% nhân viên nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có nhân viên bị vi phạm kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhân viên thư viện chưa đáp ứng chuẩn và chức danh vị trí việc làm theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng có kế hoạch và tạo điều kiện về thời gian để nhân viên học tập nâng cao nghiệp vụ khi Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình có tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên thư viện hoàn thành chương trình học để đáp ứng yêu cầu chức danh vị trí việc làm theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

100% học sinh nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 37 của Điều lệ trường trung học (tuổi của học sinh vào lớp 6 là 11 tuổi) [H1-1.5-01]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-13].

Phần lớn học sinh của trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học sinh theo Điều 38 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 ban hành Điều 17, Chương II của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; chấp hành và thực hiện nội quy của nhà trường. Bên cạnh đó vẫn còn một số học sinh vi phạm nề nếp, tác phong, ngôn phong hoặc nội quy của nhà trường [H2-2.4-02].

Tất cả học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 của Điều 17, Chương II của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định của pháp luật về Quyền trẻ em. Học sinh của trường được sử dụng trang thiết bị và các phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa thể thao của nhà trường; được tham gia các hoạt động ngoại khoá; được khám sức khỏe hằng năm; được nêu ý kiến, bày tỏ nguyện vọng; được hưởng các chế độ chính sách... [H1-1.6-13]; [H1-1.9-03]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Mức 2:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc giáo dục học sinh thực hiện tốt nội quy và các quy định về hành vi không được làm theo Điều 41, Chương V, Điều 17, Chương II của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các trường hợp vi phạm như chưa trung thực trong kiểm tra, vi phạm nội quy nhà trường... đều được phát hiện và

xử lý kịp thời bằng các biện pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh thông qua sự phối hợp giữa các bộ phận giáo viên chủ nhiệm, giám thị, giáo viên bộ môn, phụ huynh, Liên đội để từ đó học sinh nhận thức việc làm sai, biết khắc phục và sửa sai để tiến bộ hơn. Học sinh vi phạm sau khi được khuyến bảo, động viên, xử phạt đều có những chuyển biến tích cực [H1-1.2-03]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Qua từng năm học, học sinh nhà trường đã đạt được nhiều thành tích trong học tập, hoạt động phong trào, hoạt động văn hoá, thể dục thể thao... được nhà trường vinh danh, khen thưởng trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, lễ kỷ niệm Nhà giáo Việt Nam, lễ sơ kết học kì, tổng kết năm học. Những học sinh đạt thành tích tiêu biểu trong các hoạt động trên là tấm gương sáng thúc đẩy các học sinh của trường cố gắng, phấn đấu hơn trong học tập và rèn luyện; đồng thời những kết quả học sinh đạt được cũng là nguồn động lực để tập thể các thầy cô giáo của trường không ngừng đổi mới, sáng tạo trong công tác giáo dục [H1-1.2-02]; [H1-1.3-04]; [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Tất cả học sinh của trường được đảm bảo các quyền lợi về học tập, được giáo dục toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng khiếu; được nhà trường tạo điều kiện về vật chất lẫn tinh thần để phát triển phẩm chất và năng lực của bản thân.

3. Điểm yếu

Một số học sinh còn vi phạm nội quy của nhà trường về học tập, kỷ luật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giám thị, giáo viên bộ môn và cán bộ quản lý nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc kiểm tra thực hiện nề nếp, kỷ luật của học sinh; kịp thời phát hiện, xử lý và giáo dục học sinh; tăng cường sự phối hợp tốt giữa các bộ phận với nhau và phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục và rèn luyện học sinh.

Hiệu trưởng tiếp tục có chế độ khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện; qua đó giáo dục học sinh phát huy các truyền thống tốt đẹp và

thành tích của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên; trường tổ chức được nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh; đã hướng dẫn học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học đạt được những thành tích nhất định.

Điểm yếu cơ bản:

Giáo viên của trường chưa thực hiện hoạt động báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Nhân viên thư viện chưa đáp ứng chuẩn và chức danh vị trí việc làm theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch được xây dựng khá lâu, hiện nay đã xuống cấp nhiều; trong hoàn cảnh và điều kiện thực tế đó nhà trường vẫn duy trì đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Trên cơ sở đó hiệu trưởng có kiến nghị, đề xuất trong việc xây dựng, trang bị cơ sở vật chất, các trang thiết bị đạt các yêu cầu theo chuẩn quy định.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3 (nếu có):

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch có tổng diện tích sử dụng khoảng 1.465m^2 , trường được xây dựng theo kiến trúc khép kín, riêng biệt với khu vực xung quanh trường. Tuy kiến trúc cũ đã xuống cấp nhưng trường vẫn đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn để chức các hoạt động giáo dục và các hoạt động khác. [H3-3.1-01].

Trường có 01 cổng chính ở đường Âu Cơ, cổng chính có biển tên trường, có tường rào bao quanh khắp khuôn viên trường [H3-3.1-01].

Khu sân chơi nằm lọt trong khuôn viên kín của trường, nên không bị ảnh hưởng của mưa, nắng. Diện tích sân chơi là $525,5\text{m}^2$; khu sân chơi cũng là bãi tập. Tuy diện tích chưa đạt yêu cầu chuẩn quy định nhưng khu sân chơi, bãi tập có đủ trang thiết bị, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường. Xung quanh khu vực sân chơi, bãi tập đều có gắn đèn, quạt để đảm bảo ánh sáng, thoáng mát cho học sinh [H3-3.1-01].

Mức 2:

Tuy diện tích chưa đạt yêu cầu chuẩn quy định nhưng khu sân chơi, bãi tập đảm bảo đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02].

Mức 3:

Diện tích trường khoảng 1.465m^2 đạt khoảng $1,55\text{m}^2$ / học sinh nên chưa đạt chuẩn quy định. Diện tích sân chơi là $525,5\text{m}^2$ cũng chưa đảm bảo quy định là 10m^2 / học sinh [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Tuy diện tích khu sân chơi, bãi tập chưa đạt yêu cầu chuẩn quy định, nhưng nhà trường vẫn đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Diện tích khu sân chơi, bãi tập chưa đạt yêu cầu chuẩn quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Trên cơ sở đó hiệu trưởng có kiến nghị, đề xuất trong việc xây dựng đảm bảo các yêu cầu theo chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có kết cấu gồm 3 tầng, có 20 phòng được sử dụng cho việc dạy học và các phòng này được bố trí từ lầu 1 đến lầu 3; phòng học có diện tích trung bình 47m². Mỗi phòng học được trang bị 9 bóng đèn, 2 quạt trần, 3 quạt treo tường 01 bộ bàn ghế giáo viên, 20 bàn đôi học sinh, 40 ghế học sinh, 2 bảng từ (màu xanh lá, chống lóa) [H3-3.2-01].

Trường có các phòng học bộ môn gồm: 02 phòng Tin học, phòng học Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng thí nghiệm Hóa – Sinh; phòng thực hành Lý [H3-3.2-02].

Trường có phòng thư viện, phòng hoạt động Đoàn - Đội; có phòng truyền thống nhưng chưa được bố trí riêng mà hiện được bố trí chung với phòng Đoàn – Đội [H3-3.2-03]

Mức 2:

Các phòng học, phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật có diện tích trung bình 47m²; phòng thí nghiệm Hóa – Sinh và phòng thực hành Lý có diện tích 59m² nên chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.2-01].

Khôi phục vụ học tập gồm các phòng học, phòng bộ môn, phòng thư viện... đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Trong các phòng học, phòng bộ môn của trường có đủ các trang thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Tuy diện tích các phòng học chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định, nhưng nhà trường vẫn cố gắng đảm bảo điều kiện thuận lợi (bàn, ghế, ánh sáng, bảng), đầy đủ trang thiết bị phục vụ học tập và giảng dạy.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng truyền thống riêng; phòng học, phòng học bộ môn được diện tích chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Trên cơ sở đó hiệu trưởng có kiến nghị, đề xuất trong việc xây dựng, trang bị cho phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập đảm bảo các yêu cầu theo chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và

học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có kết cấu gồm 3 tầng, khối hành chính quản trị được bố trí như sau: tầng trệt có phòng hành chính - lưu trữ, tầng lửng có phòng Kế toán - Tài vụ; lầu 1 có phòng phó hiệu trưởng và phòng hiệu trưởng. Tất cả các phòng đều có đủ bàn ghế, tủ, trang thiết bị văn phòng đáp ứng được yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị [H3-3.3-01].

Trường bố trí khu để xe giáo viên trong khuôn viên trường (bên phải, gần cổng trường); khu để xe của học sinh chia làm 02 khu vực, 01 khu bên trái gần cổng trường và 01 khu phía sau sân chơi. Khu để xe của giáo viên tuy chật hẹp, nhưng được bố trí đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

Các trang thiết bị của khối quản trị - hành chính được bảo trì, sửa chữa định kỳ; hoặc được mua sắm bổ sung, thay mới để đảm bảo thực hiện các hoạt động [H3-3.3-03].

Mức 2:

Các phòng trong khối hành chính quản trị được bố trí theo điều kiện cơ sở vật chất thực tế của nhà trường, nên chưa tập trung vào một khu để thuận tiện cho việc di chuyển, trao đổi công việc. Các phòng trong khối hành chính quản trị đều đảm bảo các điều kiện tối thiểu về sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh khi làm việc [H3-3.3-01].

Mức 3:

Các phòng trong khối hành chính quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị: máy tính, máy in, máy photocopy... được sắp xếp hợp lý, khoa học và góp phần hỗ

trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trong điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, nhà trường đã bố trí được đầy đủ khối phòng hành chính - quản trị phục vụ cho hoạt động hành chính, quản trị của trường.

3. Điểm yếu

Việc bố trí các phòng trong khu hành chính quản trị chưa thuận tiện, khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chật hẹp chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vực nhà vệ sinh cho giáo viên, nhân viên tách biệt với khu nhà vệ sinh học sinh. Ở mỗi tầng lầu có nhà vệ sinh cho giáo viên nam và nữ. Khu vực vệ sinh được bố trí riêng biệt, đảm bảo không ô nhiễm môi trường và sử dụng thuận lợi cho giáo viên và học sinh [H3-3.4-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được kết nối với hệ thống thoát nước của đô thị nhưng thỉnh thoảng vào mùa mưa, khi mưa lớn việc thoát nước không kịp còn gây ngập nước ở trước sân trường. Nhà trường hợp đồng với Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa để cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và học sinh; hợp đồng với Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn cung cấp nước tinh khiết đóng chai cho học sinh sử dụng. Nước sử dụng trong sinh hoạt và uống đều được xét nghiệm để đảm bảo vệ sinh, an toàn khi sử dụng [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

Nhà trường hợp đồng với Công ty Công ích và Đô thị quận Tân Bình thực hiện thu gom rác và xử lý chất thải hằng ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ. Trong năm học 2018 – 2019, nhà trường cũng đã triển khai và hướng dẫn học sinh phân loại rác thải, bước đầu học sinh đã làm quen và biết phân loại rác [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

Mức 2:

Khu vệ sinh được bố trí phù hợp theo điều kiện cảnh quan, cơ sở vật chất thực tế của nhà trường; đảm bảo thuận tiện cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường được thực hiện thông qua hợp đồng với các công ty chuyên trách của nhà nước, nên đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai và hướng dẫn học sinh phân loại rác thải, bước đầu học sinh đã làm quen và biết phân loại rác trong sinh hoạt hằng ngày tại trường.

3. Điểm yếu

Tuy hệ thống nước thải được kết nối với hệ thống thoát nước đô thị nhưng khi mưa lớn còn gây ngập nước ở trước sân trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Trên cơ sở đó hiệu trưởng có kiến nghị, đề xuất trong việc xây dựng, trang bị cho khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo các yêu cầu theo chuẩn quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được

khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại máy phục vụ công tác văn phòng như: máy vi tính, máy in, máy photocopy và các trang thiết bị khác phục vụ công tác quản lý và giảng dạy như: máy projector, bảng tương tác... [H1-1.6-01].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu từ khối lớp 6 đến khối lớp 9, trang bị các thiết bị dạy học theo chương trình mới, phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-04].

Định kỳ vào cuối năm học, nhà trường thực hiện công tác kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị [H3-3.5-01]. Trên cơ sở kiểm tra, các bộ phận xây dựng kế hoạch, đề xuất cho hiệu trưởng để mua sắm hoặc sửa chữa các trang thiết bị. Mặt khác, do diện tích phòng thiết bị nhỏ ($24m^2$) nên việc sắp xếp, bảo quản gặp nhiều khó khăn, làm cho các đồ dùng dạy học mau hư hỏng; nhưng nhờ có nhân viên phụ trách thiết bị có nhiều kinh nghiệm trong việc bảo quản cũng như sửa chữa thiết bị đồ dùng dạy học nên đã sửa chữa kịp thời một số thiết bị, góp phần tiết kiệm chi phí cho nhà trường [H3-3.3-03].

Mức 2:

Tất cả các máy tính trong nhà trường ở các bộ phận hành chính quản trị, phòng giáo viên, phòng vi tính đều được kết nối mạng Internet để phục vụ các hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học [H3-3.5-02].

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học từ khối lớp 6 đến khối lớp 9, máy projector, bảng tương tác và các trang thiết bị thiết yếu phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định [H3-3.2-04].

Hàng năm, qua kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị, các bộ phận xây dựng kế hoạch, đề xuất cho hiệu trưởng để mua sắm hoặc sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị. Hiện nay một số trang thiết bị cần được bổ sung

(máy photocopy,...) nhưng do trường đang giai đoạn xây dựng nên việc đề xuất mua sắm các trang thiết bị không được phê duyệt cũng gây ảnh hưởng đến công việc ở một số bộ phận. Một số giáo viên cũng đã thực hiện được một số đồ dùng dạy học [H3-3.2-04]; [H3-3.3-03]; [H3-3.5-01].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm, phòng thực hành của trường có đủ thiết bị để đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả [H3-3.2-04]. Các trang thiết bị dạy học được giáo viên khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng các yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]. Giáo viên cũng đã thực hiện được một số đồ dùng dạy học tuy chưa nhiều [H3-3.2-04].

2. Điểm mạnh

Thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ; nhân viên phụ trách thiết bị có nhiều kinh nghiệm trong việc bảo quản các trang thiết bị.

3. Điểm yếu

Một số trang thiết bị cần được bổ sung nhưng do trường đang giai đoạn xây dựng nên việc đề xuất mua sắm các trang thiết bị không được phê duyệt đã gây ảnh hưởng đến công việc ở một số bộ phận.

Do diện tích phòng thiết bị nhỏ ($24m^2$) việc sắp xếp, bảo quản gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019 – 2020, nhân viên thiết bị có kế hoạch đề xuất sửa chữa các thiết bị; thực hiện quản lý tốt và sắp xếp các thiết bị, đồ dùng dạy học gọn gàng khoa học giúp cho giáo viên thuận lợi khi sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện của trường được trang bị đầy đủ sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ, băng đĩa giáo khoa các loại cũng được nhà trường bổ sung thường xuyên phục vụ hoạt động nghiên cứu, nắm bắt thông tin, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của giáo viên, học sinh và nhân viên. Nhà trường đã đặt mua định kỳ 07 loại báo, tạp chí theo đúng qui định của ngành; thư viện có trang bị đầy đủ bản đồ, tranh ảnh giáo dục phục vụ các hoạt động dạy và học[H1-1.6-01]; [H1-1.6-09]; [H3-3.6-04].

Vào mỗi đầu năm học, cán bộ thư viện đều lập kế hoạch, thời khoá biểu hoạt động để giáo viên và học sinh đến mượn và đọc sách. Cán bộ thư viện thường xuyên giới thiệu sách đến học sinh và giáo viên mỗi khi có sách mới (dưới sân trường, bảng giới thiệu sách trước thư viện, ở phòng giáo viên). Ngoài ra, thư viện còn kết hợp với giáo viên bộ môn Ngữ văn hướng dẫn học sinh đọc sách, viết cảm nhận, thi kể chuyện

qua phong trào “Lớn lên cùng sách”, “Hội thi kể chuyện văn học” [H1-1.6-09]; [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Nhân viên thư viện hàng năm đều làm công tác kiểm kê, đồng thời lập kế hoạch bổ sung các loại sách, báo, tạp chí, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.5-01]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện nhà trường có diện tích 56,8 m² đảm bảo diện tích tối thiểu theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 và Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2004 và văn bản số 11185/GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17 tháng 12 năm 2004 về tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. Bên cạnh các trang thiết bị, các ấn bản sách, báo... theo quy định, hoạt động của thư viện đã đáp ứng yêu cầu nghiên cứu của giáo viên, đội ngũ quản lý cũng như nhân viên và học sinh nên những năm qua thư viện của trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường có 01 máy tính có kết nối internet dành cho nhân viên thực hiện công tác quản lý, ngoài ra thư viện chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, cũng như các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.6-09]; [H3-3.6-03].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường nhiều năm được đánh giá đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

Thư viện trường chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 12/2018, trường đã bắt đầu được tiến hành xây dựng mới trên nền đất cũ theo chủ trương của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình. Trên cơ sở đó hiệu trưởng có kiến nghị, đề xuất trong việc xây dựng, trang bị phòng Thư viện đạt chuẩn tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, nhà trường vẫn đảm bảo các điều kiện tối thiểu để tổ chức các hoạt động giáo dục.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích khu sân chơi, bãi tập chưa đạt yêu cầu chuẩn quy định. Trường chưa có phòng truyền thống riêng; phòng học, phòng học bộ môn được diện tích chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định. Thư viện trường chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức trong mỗi năm học, để phối hợp với nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục. Trong năm học 2019-2020 hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh phát huy vai trò nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; đồng thời đẩy mạnh việc vận động các mạnh thường quân tham gia vào Ban đại diện, huy động đóng góp các nguồn lực nhằm hỗ trợ được nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn hơn.

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng chiến lược, kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình phát triển của địa phương;

tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Trong năm học 2019-2020, Chi đoàn, Liên đội xây dựng mục tiêu thực hiện chăm sóc 01 di tích lịch sử, hoặc chăm sóc ít nhất 01 gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hằng năm được bầu chọn trong Đại hội cha mẹ học sinh đầu năm theo đúng hướng dẫn của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 ngày 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Ban đại diện mỗi lớp có đủ 3 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 thư ký) [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh

thường họp ba lần trong năm học: Vào đầu năm học, học kỳ một và học kỳ hai [H4-4.1-02].

Trên cơ sở kế hoạch, phương hướng và nhiệm vụ năm học của nhà trường đã được thống nhất tại cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động [H4-4.1-03].

Các kế hoạch hoạt động được Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai thực hiện đúng tiến độ, định kỳ thực hiện sơ kết, tổng kết [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã phối hợp, hỗ trợ với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ của năm học và các hoạt động giáo dục như: triển khai các chủ trương, phương hướng mục tiêu hoạt động giáo dục, định hướng phát triển của nhà trường, hỗ trợ khen thưởng học sinh giỏi (hằng tháng, học kỳ), đặc biệt số học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường khá nhiều nhưng Ban đại diện cha mẹ học sinh cũng đã trao tặng được nhiều học bổng giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng quà Tết, hỗ trợ các hoạt động phong trào cấp quận và thành phố... [H4-4.1-06].

Mức 3:

Thông qua những hoạt động hỗ trợ khen thưởng học sinh giỏi, trao tặng học bổng, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn... Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, góp phần giúp nhà trường hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của năm học [H4-4.1-04]; [H4-4.1-06].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng điều lệ hiện hành, hỗ trợ nhà trường trong nhiều hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu:

Việc hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn ít do số lượng học sinh khá nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng tiếp tục tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động.

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường đẩy mạnh việc vận động các mạnh thường quân tham gia vào Ban đại diện, đóng góp các nguồn lực nhằm hỗ trợ việc giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trên cơ sở định hướng phát triển nhà trường, Hiệu trưởng tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch, các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường thông qua việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch năm học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.3-01].

Thông qua các đoàn thể trong nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các phương tiện truyền thông (bảng tin, website của trường) nhà trường phổ biến công khai các mục tiêu, kế hoạch giáo dục, các hoạt động giáo dục của nhà trường; phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước [H4-4.1-05]; [H4-4.2-01].

Với nguồn lực đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, sự ủng hộ, đóng góp của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các mạnh thường quân; nhà trường đã sử dụng vào các hoạt động như: trao tặng học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà Tết, khen thưởng học sinh, hỗ trợ các hoạt động phong trào cấp quận, thành phố [H4-4.1-03]; [H4-4.1-06].

Mức 2:

Thông qua các nghị quyết của Chi bộ, nhà trường tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền trong việc hỗ trợ nhà trường thực hiện các chiến lược, kế hoạch để phát triển nhà trường [H1-1.3-01].

Trong năm học 2018-2019 nhà trường đã phối hợp cùng Công ty cổ phần Phát triển giáo dục Quốc Tế GAIA để thực hiện các tiết kỹ năng sống, các chuyên đề giáo dục cho học sinh [H4-4.2-02]. Nhà trường chưa thực hiện được việc tổ chức chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh,

liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân vào các hoạt động giáo dục hiệu quả; sử dụng tốt website của nhà trường trong việc thực hiện tuyên truyền trong cộng đồng về các nội dung, mục tiêu giáo dục, kế hoạch, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chưa thực hiện được công tác chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng có kế hoạch đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đóng góp để phục vụ nhiều hơn cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo cho bộ phận Chi đoàn, Liên đội xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc thực hiện chăm sóc 01 di tích lịch sử, hoặc chăm sóc ít nhất 01 gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ nhà trường trong nhiều hoạt động giáo dục. Nhà trường đã huy động và sử dụng các nguồn lực vào các hoạt động giáo dục đúng mục đích; thực hiện tốt công tác tuyên truyền trong cộng đồng về các nội dung, mục tiêu giáo dục, kế hoạch, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Việc hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn còn ít do số lượng học sinh khá nhiều; chưa thực hiện được công tác chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa, chăm sóc gia đình có công với cách mạng ở địa phương.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Trong những năm học gần đây, nhà trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, cấu trúc lại chương trình dạy học các bộ môn dựa trên khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hướng tinh giản, phù hợp với thực tế và mục tiêu giáo dục. nhà trường đã đạt được một số thành quả nhất định trong công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giáo dục kỹ năng sống và hướng dẫn học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng còn những hạn chế về kết quả giáo dục. Trong định hướng những năm học tới, nhà trường xây dựng kế hoạch và giải pháp để giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, giảm tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học để đạt chuẩn quy định.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo khung phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên giảng dạy theo chuẩn kiến thức kỹ năng và chương trình giảm tải; thiết kế, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục đảm bảo bám sát mục tiêu giáo dục theo quy định [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03].

Trong quá trình dạy học, giáo viên đã vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học mới theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh như: dạy học theo chủ đề, dạy học theo dự án, dạy học theo định hướng STEM, thực hiện giáo án điện tử, phần mềm trên bảng tương tác, tổ chức hoạt động nhóm, thuyết trình... đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H5-5.1-01]. Bên cạnh đó, nhà trường còn chú trọng các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh [H1-1.10-07]; [H3-3.1-02]; [H4-4.2-02]; [H5-5.5-02].

Nhà trường đã thực hiện việc đổi mới các hình thức kiểm tra đánh giá ngay từ khâu ra đề, đề kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập theo các mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng; đề kiểm tra được xây dựng theo ma trận. Đề kiểm tra theo hướng đổi mới, tăng cường vận dụng kiến thức thực tiễn, các vấn đề thực tế trong cuộc sống

hàng ngày [H1-1.4-03]. Hình thức kiểm tra đánh giá học sinh thông qua bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ được tổ chức dưới nhiều hình thức như kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập dự án, bài tập thực hành, thí nghiệm; đánh giá học sinh qua các hoạt động trên lớp; qua hoạt động nhóm; qua tập vở; qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip, ...) [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được xây dựng từ đầu năm học ở từng bộ môn, tổ bộ môn rà soát nội dung chương trình, nội dung giảm tải của SGK hiện hành, bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng, loại bỏ những thông tin cũ, lạc hậu; đồng thời bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp. Từ đó cấu trúc lại nội dung dạy học của từng môn học trong chương trình hiện hành theo định hướng phát triển năng lực học sinh thành những bài học mới, có thể chuyển một số nội dung dạy học thành nội dung các hoạt động giáo dục và bổ sung các hoạt động giáo dục khác vào chương trình hiện hành phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06].

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên bộ môn phát hiện học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Cán bộ quản lý có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn ngay từ đầu năm học, phân công giáo viên có trình độ, năng lực và kinh nghiệm giảng dạy phụ trách bồi dưỡng học sinh giỏi. Công tác phụ đạo học sinh yếu cũng được thực hiện khá hiệu quả ở các bộ môn ngay sau các đợt báo điểm, với các bộ môn học bài như Lịch sử, Địa lý, Sinh học... việc phụ đạo chưa hiệu quả cao do giáo viên thường chỉ phụ đạo vào các khoảng thời gian trước khi thi học kỳ [H2-2.4-02]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03];

Mức 3:

Hàng năm, cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn thực hiện sơ kết, tổng kết qua đó rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm về hiệu quả các hoạt động giáo dục nhằm có sự điều chỉnh, định hướng cho học kỳ sau và năm học tới [H1-1.4-

03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc đổi mới kiểm tra đánh giá, cấu trúc lại nội dung dạy học của từng môn học trong chương trình hiện hành theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với thực tế của trường và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

3. Điểm yếu

Công tác phụ đạo học sinh yếu với các bộ môn học bài như Lịch sử, Địa lý, Sinh học... chưa hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo các bộ môn xây dựng kế hoạch phụ đạo chú trọng vào giải pháp và thời gian thực hiện, với các môn học bài cần tăng cường rèn luyện kỹ năng thực hành, hướng dẫn kỹ năng tự học, phương pháp nhớ bài lâu, thời gian trước khi kiểm tra học kỳ thì tập trung vào việc ôn bài. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện việc đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, củng cố và mở rộng việc xây dựng các đơn vị bài học phù hợp theo chủ đề, theo định hướng STEM.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Với những học sinh có năng khiếu, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng phân công giáo viên có trình độ, năng lực và kinh nghiệm giảng dạy [H5-5.1-02]. Số học sinh diện khuyết tật học hoà nhập của trường không nhiều, bình quân khoảng 01 học sinh/ khối lớp. Với những đối tượng học sinh này, nhà trường có kế hoạch riêng dành cho các em [H5-5.2-01]. Trường có khá nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn, với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, diện chính sách; nhà trường phối hợp cùng Ban đại diện Cha mẹ học sinh, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường thực hiện đúng chế độ miễn giảm, trao học bổng... để hỗ trợ và tạo điều kiện cho các em yên tâm học tập [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu trong những năm qua được nhà trường thực hiện khá tốt, hằng năm trường đều có học sinh giỏi đạt cấp quận, thành phố. Hiện nay, do việc cộng điểm ưu tiên khuyến khích không còn, nên phụ huynh hạn chế cho con em mình tham gia các lớp bồi dưỡng, nên công tác bồi dưỡng gặp nhiều khó khăn, số lượng giảm sút. Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhiều, nhà trường lại chưa xây dựng được kế hoạch tạo được các nguồn kinh phí hợp pháp nên việc hỗ trợ học bổng

cho số lượng các em còn ít [H5-5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo tháng điểm, theo học kỳ; từ đó rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp để thực hiện có hiệu quả hơn công tác giáo dục của nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhiều học sinh khó khăn, học sinh có tiến bộ trong học tập và học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến đều được nhận phần thưởng, giấy khen và học bổng của nhà trường [H2-2.4-02]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H1-1.7-06].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường đều có học sinh đạt thành tích về các môn học, thể dục thể thao, văn hoá nghệ thuật cấp quận, thành phố [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường đều có học sinh đạt thành tích về các môn học, thể dục thể thao, văn hoá nghệ thuật cấp quận, thành phố.

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu gặp nhiều khó khăn, số lượng giảm sút do việc cộng điểm ưu tiên khuyến khích không còn, nên phụ huynh hạn chế cho con em mình tham gia.

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch tạo được các nguồn kinh phí hợp pháp nên việc hỗ trợ học bổng cho số lượng các em có hoàn cảnh khó khăn còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 – 2020, hiệu trưởng trong họp Ban Đại diện cha mẹ học sinh

quán triệt ý nghĩa, mục đích của công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; chỉ đạo tổ chuyên môn cần có giải pháp phù hợp động viên khuyến khích học sinh có năng khiếu tham gia lớp bồi dưỡng. Đồng thời hiệu trưởng có kế hoạch tạo nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật có kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương như: Tích hợp tìm hiểu di sản văn hóa theo Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các tiết giáo dục địa phương theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008 – 2009 [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật Trong các bài kiểm tra định kỳ phải lồng ghép các nội

dung giáo dục địa phương để đảm bảo thực hiện đúng nội dung, kế hoạch đề ra; lồng ghép giáo dục địa phương trong các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khoá, ngoài giờ lên lớp phù hợp như: học tập trải nghiệm tại Thảo cầm viên Sài Gòn; khu du lịch sinh thái Về Quê (Củ Chi); Bảo tàng Chứng tích chiến tranh; Khu du lịch Vương Thanh, khu lưu niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định (Bến Tre)... [H1-1.10-07]; [H5-5.3-03].

Hằng năm, các bộ môn có giảng dạy nội dung giáo dục địa phương tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nội dung giáo dục địa phương, cập nhật và bổ sung tài liệu mới (nếu có) để điều chỉnh nội dung giáo dục cho phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên nguồn tài liệu lịch sử địa phương chưa nhiều [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Các nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo quy định tại công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được bổ sung phù hợp với thực tế, mục tiêu của môn học [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch, tổ chức được các hình thức lồng ghép giáo dục địa phương với các hoạt động học tập trải nghiệm, ngoại khoá.

3. Điểm yếu

Nguồn tài liệu lịch sử địa phương được cập nhật, bổ sung chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, phó hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên cập nhật thêm tài liệu về giáo dục địa phương thông qua nguồn sách báo, tạp chí, mạng Internet... Tổ chức cho học sinh sưu tầm, tìm hiểu các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương; tiết học ngoài nhà trường; hướng dẫn học sinh đọc các nguồn tài liệu tham khảo để làm phong phú hơn kiến thức về địa phương và nâng cao hiệu quả học tập chương trình giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, trong kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường đã có định hướng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định, phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03]. Bên cạnh đó, nhà trường phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp – Hướng nghiệp quận Tân Bình để tổ chức dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 [H5-5.4-01].

Trên cơ sở được sự phân công của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; các bộ phận tổ chuyên môn, Chi đoàn, Liên đội, Ban chỉ đạo Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phối hợp xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch; đồng thời triển khai kế hoạch dạy nghề cho học sinh khối 8 ngay từ tháng 9 [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-03]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01].

Trong các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường đều có phân công giáo viên, nhân viên có chuyên môn, năng lực phù hợp để tham gia nhằm đạt được

các mục tiêu, yêu cầu đề ra trong mỗi kế hoạch [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phù hợp học sinh như học tập trải nghiệm tại Thảo cầm viên Sài Gòn; Bảo tàng Lịch sử Việt Nam; Công ty Ajinomoto Long Thành; khu du lịch sinh thái Vê Quê (Củ Chi); Bảo tàng Chứng tích chiến tranh; Khu du lịch Vương Thanh, khu lưu niệm nữ tướng Nguyễn Thị Định (Bến Tre)... Tuy nhiên các hoạt động trải nghiệm có hình thức chưa đa dạng, việc phân công thực hiện hoạt động trải nghiệm chưa trải đều ở tất cả các bộ môn. Qua các hoạt động trải nghiệm học sinh tham gia hào hứng, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, củng cố kiến thức được học và tiếp thu thêm nhiều kiến thức mới [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-06]; [H1-1.10-07]; [H5-5.4-01].

Sau mỗi hoạt động trải nghiệm, và cuối học kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá việc tổ chức thực hiện kế hoạch để từ đó rút kinh nghiệm, định hướng và điều chỉnh các hoạt động trải nghiệm sau đạt hiệu quả tốt hơn [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, thực hiện công tác hướng nghiệp đúng theo quy định, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tế nhà trường.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm hình thức chưa đa dạng, việc phân công thực hiện hoạt động trải nghiệm chỉ mới tập trung ở một số bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng quán triệt việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm đến tất cả các tổ bộ môn và yêu cầu các bộ phận, các tổ bộ môn trong nhà trường phối hợp lập kế hoạch thực hiện; yêu cầu với các công ty hợp đồng tổ

chức hoạt động trải nghiệm cần xây dựng nhiều hình thức hoạt động phong phú hơn nhằm nâng cao hiệu quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục nhà trường đều có định hướng giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; trên cơ sở đó tất cả các bộ môn khi xây dựng kế hoạch dạy học, khi triển khai các hoạt động dạy học thực hiện tích hợp giáo dục kỹ năng sống vào trong môn học, vào những bài dạy có nội dung phù hợp như: tích hợp, lồng ghép nội dung tài liệu “Bác Hồ và những bài học về đạo đức,

lối sống dành cho học sinh” vào bộ môn GD&ĐT, hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp; giảng dạy các nội dung “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai”, “Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên”, “Luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới”,... [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-07]. Từ năm học 2018-2019, nhà trường phối hợp với Công ty cổ phần Phát triển giáo dục Quốc Tế GAIA để thực hiện các tiết kỹ năng sống cho học sinh 1 tiết/ lớp/ tuần, tổ chức các chuyên đề như “Phòng chống bạo lực học đường”, “Sử dụng mạng xã hội Facebook”,... [H4-4.2-02].

Thông qua các hoạt động giáo dục nêu trên, học sinh được rèn luyện, tích lũy và hình thành kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, biết thực hành pháp luật; học sinh tích cực tham gia các hoạt động như dự thi trực tuyến “Giao thông thông minh”, “Học sinh, sinh viên thành phố với pháp luật”, “Hội thi an toàn giao thông vì nụ cười ngày mai”, “Hội thi Sơ cấp cứu”, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Đánh giá hiểu biết của học sinh về chất thải rắn, phân loại chất thải rắn, tái chế rác thải”,... [H1-1.10-07]; [H2-2.4-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.4-04]; [H4-4.2-02]; [H5-5.5-01].

Đạo đức, lối sống của học sinh trong nhà trường từng bước được hình thành, học sinh có chuyển biến tích cực: biết cách ứng xử có văn hóa trong học tập, trong sinh hoạt, trong giao tiếp trên mạng xã hội, hiểu biết về phòng chống bạo lực học đường, thực hiện đúng pháp luật khi tham gia giao thông... những nền tảng đạo đức, lối sống đó phù hợp với pháp luật và truyền thống văn hoá dân tộc [H1-1.10-07]; [H2-2.4-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.4-04]; [H4-4.2-02]; [H5-5.5-01].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, đánh giá học sinh trong cùng nhóm và khác nhóm [H1-1.10-07].

Học sinh từng bước đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, biết giải quyết những tình huống trong quá trình học tập và sinh hoạt hằng ngày, qua các bài kiểm tra... [H1-1.10-07]; [H2-2.4-02]; [H3-3.1-02]; [H3-3.4-04]; [H4-4.2-02]; [H5-5.5-01].

Mức 3:

Trong các năm học gần đây, nhà trường bước đầu đã hướng dẫn học sinh thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học, tuy các đề tài nghiên cứu khoa học chưa nhiều nhưng nhà trường đã mạnh dạn tham gia các cuộc thi Nghiên cứu khoa học do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình và Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và đạt được một số thành tích nhất định như: Giải Ba cấp quận và một giải khuyến khích cấp thành phố năm học 2017-2018, giải Ba cấp quận năm học 2018-2019 [H1-1.7-06]; [H1-1.8-01]; [H2-2.4-02]; [H5-5.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức được các tiết kỹ năng sống cho học sinh 1 tiết/ lớp/ tuần; học sinh thực hiện nghiên cứu khoa học đạt được một số thành tích nhất định.

3. Điểm yếu

Các đề tài nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng có kế hoạch tiếp tục tổ chức các tiết kỹ năng sống cho học sinh, tăng cường thực hiện các chuyên đề, đồng thời yêu cầu công ty hợp đồng giảng dạy kỹ năng sống có kế hoạch định kỳ thực hiện đánh giá mức độ tiếp thu, khả năng vận dụng của học sinh để có cơ sở số liệu đánh giá chính xác mức độ hiệu quả. Bên cạnh đó, hiệu trưởng chỉ đạo tất cả các tổ chuyên môn có kế hoạch xây dựng và hướng dẫn học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu, bước đầu là những nghiên cứu khoa học cấp trường, trên cơ sở đó lựa chọn các đề tài hay, thiết thực để đầu tư tham gia các cuộc thi cấp quận và thành phố.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả học tập, hạnh kiểm của trường trong 05 năm gần đây đạt yêu cầu theo kế hoạch đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Bảng số liệu kết quả xếp loại học lực

Năm học	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2013 - 2014	307	33,0	377	40,5	220	23,7	16	1,7	10	1,1
2014 - 2015	246	25,8	429	45,1	233	24,5	28	2,9	16	1,7

2015 - 2016	235	24,92	383	40,62	277	29,37	28	2,97	20	2,12
2016 - 2017	195	19,8	409	41,5	310	31,5	51	5,2	20	2,0
2017 - 2018	257	28,43	379	41,92	242	26,77	17	1,88	9	1

Bảng số liệu kết quả xếp loại hạnh kiểm

Năm học	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2013 - 2014	777	83,5	137	14,7	16	1,7	-	-
2014 - 2015	814	85,5	120	12,6	18	1,9	-	-
2015 - 2016	803	85,15	113	11,98	27	2,86	-	-
2016 - 2017	895	90,9	65	6,6	25	2,5	-	-
2017 - 2018	836	92,48	67	7,41	1	0,11	-	-

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp của trường đạt yêu cầu theo kế hoạch [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Bảng số liệu kết quả lên lớp, tốt nghiệp

Năm học	Tỷ lệ lên lớp	Tỷ lệ tốt nghiệp	Ghi chú
2013 - 2014	97,20%	100%	
2014 - 2015	95,40%	99,5%	
2015 - 2016	97,98%	100%	
2016 - 2017	92,88%	100%	
2017 - 2018	95,64%	100%	

Việc định hướng, phân luồng học sinh được nhà trường thực hiện từ đầu năm học, đặc biệt là đối với học sinh khối khối 9 qua thực hiện công tác tư vấn chọn nguyện vọng tuyển sinh lớp 10, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh nên kết quả đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H5-5.4-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, kết quả học lực của học sinh xếp loại giỏi, khá có chuyển biến tích cực [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp cũng có những chuyển biến tích cực và duy trì ổn định trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.2-05]; [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Mức 3:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường trên 10%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 35%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường có những năm chưa đạt tỷ lệ so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 90%, cao hơn so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban của trường có những năm chưa đạt tỷ lệ so với chuẩn quy định [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Năm học	Tỷ lệ học sinh bỏ học	Tỷ lệ học sinh lưu ban	Ghi chú
2013-2014	0.64%	1.71%	
2014-2015	0.95%	2.95%	
2015 - 2016	0.71%	2.02%	
2016 - 2017	0.5%	1.93%	
2017 - 2018	1.65%	0.99%	

2. Điểm mạnh

Kết quả và tỷ lệ xếp loại học lực giỏi, khá; xếp loại hạnh kiểm học sinh của trường hằng năm đều cao hơn so với chuẩn quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu, kém; học sinh bỏ học, lưu ban có những năm chưa đạt tỷ lệ theo chuẩn quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2019-2020, hiệu trưởng quán triệt trong hội đồng sư phạm về công tác duy trì sĩ số; có kế hoạch và giải pháp chỉ đạo các bộ phận giáo viên chủ nhiệm, giám thị phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ theo dõi học sinh nghỉ học, bỏ học; phối hợp với phụ huynh, các đoàn thể, bộ phận phổ cập trên địa bàn phường thực hiện công tác xác minh, vận động học sinh đi học.

Bên cạnh đó, chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường biện pháp thực hiện công tác phụ đạo, xây dựng các chỉ tiêu thi đua cụ thể về giảm tỷ lệ học sinh yếu kém trong từng giai đoạn cụ thể.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Kết quả và tỷ lệ xếp loại học lực giỏi, khá; xếp loại hạnh kiểm học sinh của trường hằng năm đều cao hơn so với chuẩn quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ học sinh có học lực yếu, kém; học sinh bỏ học, lưu ban có những năm chưa đạt tỷ lệ theo chuẩn quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với 05 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, số lượng các tiêu chí mà Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch đã đạt được như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1 là: 28 tiêu chí, tỷ lệ 100%;

- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1 là: 02 tiêu chí, tỷ lệ 7,1%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2 là: 25 tiêu chí, tỷ lệ 89,3%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2 là: 3 tiêu chí, tỷ lệ 10,7%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3 là: 10 tiêu chí, tỷ lệ 35,7%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3 là: 18 tiêu chí, tỷ lệ 64,3%;

Căn cứ vào số lượng tiêu chí mà nhà trường đã đạt được ở các Mức 1, Mức 2, Mức 3; Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá này, Trường Trung học cơ sở Phạm Ngọc Thạch sẽ phát huy những điểm mạnh, khắc phục ngay những điểm yếu, tiếp tục tăng cường công tác quản lý, đổi mới hoạt động dạy học, thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục, hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Lê Ý Trang

PHẦN IV

PHỤ LỤC

Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát...	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Nghị quyết ĐH Đảng bộ quận Tân Bình lần thứ XI nhiệm kỳ 2015-2020	Thời điểm khảo sát 11/03/2019	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020	Thời điểm khảo sát 11/03/2019	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.1-03]	Website trường: http://thcsphamngocthach.hcm.edu.vn		Quản trị website	
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.1-05]	Kế hoạch giáo dục	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.1-06]	Văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường	Thời điểm khảo sát 11/03/2019	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường (quyết định thành lập, biên bản họp, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	

	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng Thi đua và khen thưởng (quyết định thành lập, biên bản họp, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng Kỷ luật (quyết định thành lập, biên bản họp, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng Tuyển sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng Xét tốt nghiệp	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	Lưu ở học vụ
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ Hội đồng Chăm sóc kiến kinh nghiệm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.2-07]	Bảng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm học liên tục (năm học 2012 – 2013 và năm học 2013 – 2014) của Ủy ban nhân dân thành phố	QĐ số 4005/QĐ-UBND ngày 14/8/2014		
	8	[H1-1.2-08]	Bảng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013-2014	QĐ số 5330/QĐ-BGDĐT ngày 12/11/2014		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Chi bộ Đảng (quyết định thành lập, danh sách đảng viên, biên bản họp, nghị quyết, kết quả đánh giá hoạt động, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Công đoàn (kế hoạch, Quy chế phối hợp giữa chính quyền và	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Chủ tịch Công đoàn	

			công đoàn; biên bản họp, kết quả đánh giá hoạt động, ...)			
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chi đoàn (kế hoạch, biên bản họp, kết quả đánh giá hoạt động, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Bí thư Chi đoàn	
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Liên đội (kế hoạch, biên bản họp, kết quả đánh giá hoạt động...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Tổng phụ trách	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định công nhận hạng trường	Thời điểm khảo sát 11/03/2019	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ tổ Văn phòng (quyết định phân công tổ trưởng, kế hoạch, biên bản họp,...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		Lưu ở học vụ
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ các tổ chuyên môn (quyết định phân công tổ trưởng, kế hoạch, biên bản họp, đề kiểm tra...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		Lưu ở học vụ
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch thực hiện chuyên đề, thao giảng	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ lưu trữ các chuyên đề	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.4-06]	Báo cáo bộ môn từng học kỳ	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ gọi tên ghi điểm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Học vụ	Lưu ở học vụ
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Giáo viên chủ nhiệm	Lưu ở học vụ

	3	[H1-1.5-03]	Hồ sơ tài chính (lập dự toán, thu chi, quyết toán, quy chế chi tiêu nội bộ,...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Kế toán	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý tài sản	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Kế toán	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài chính, biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên về công tác tài chính, kế toán; quy chế chi tiêu nội bộ,...	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Kế toán	
	3	[H1-1.6-03]	Sổ đăng bộ; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Học vụ	
	4	[H1-1.6-04]	Học bạ học sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Học vụ	
	5	[H1-1.6-05]	Sổ ghi đầu bài	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		Lưu ở học vụ
	6	[H1-1.6-06]	Sổ quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Học vụ	
	7	[H1-1.6-07]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Văn thư	
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ cán bộ, công chức, nhân viên	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	9	[H1-1.6-09]	Hồ sơ thư viện (thời khóa biểu của thư viện, giới thiệu sách, các phong trào có phối hợp với thư viện...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện	

	10	[H1-1.6-10]	Hồ sơ y tế (kế hoạch, biên bản, phiếu theo dõi sức khỏe, chuyên đề y tế, kết quả đánh giá y tế,...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Y tế	
	11	[H1-1.6-11]	Sổ điểm cá nhân	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		Lưu ở học vụ
	12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ thực hiện Sổ điểm điện tử VietSchool	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	13	[H1-1.6-13]	Các văn bản về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của UBND quận Tân Bình, của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Bình	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Hiệu trưởng, kế toán	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công chuyên môn hằng năm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.7-04]	Số liệu thống kê cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.7-05]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.7-06]	Quyết định, danh sách khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	

	7	[H1-1.7-07]	Hồ sơ nâng lương, giải quyết nghỉ bệnh, nghỉ thai sản...	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Kế toán	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của trường	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch kiểm tra	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Các biên bản kiểm tra, đánh giá của cấp trên về các hoạt động giáo dục của nhà trường	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
		[H1-1.8-04]	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.9-03]	Biên bản họp giữa cán bộ quản lý và ban cán sự các lớp	Từ 2018-2019	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.9-04]	Hồ sơ của Ban Thanh tra nhân dân (quyết định phân công, biên bản kiểm tra, đơn thư khiếu nại, tố cáo...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Công đoàn, Thanh tra nhân dân	
	5	[H1-1.9-05]	Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 36	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự trường học (kế hoạch, giấy chứng nhận,...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	

	2	[H1-1.10-02]	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.10-04]	Nội quy học sinh (chưa dùng)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		
	5	[H1-1.10-05]	Hợp đồng căn-tin (hợp đồng, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận nhân viên đã được học tập an toàn thực phẩm, ...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng, kế toán	
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ tiếp công dân	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.10-07]	Hồ sơ Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (kế hoạch, biên bản hoạt động, đánh giá xếp loại học sinh từng lớp...)	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.10-08]	Hồ sơ đơn vị văn hoá (kế hoạch, giấy chứng nhận,...)	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.1-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Hiệu trưởng	

	3	[H2-2.1-03]	Kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.1-04]	Kết quả bỏ phiếu tín nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Kết quả đánh giá nhân viên hằng năm	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.3-02]	Danh sách nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Văn thư	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ giám thị (biên bản vi phạm nội quy, ngày nghỉ, bản kiểm điểm...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Giám thị	Lưu ở học vụ
	2	[H2-2.4-02]	Kết quả các phong trào, hội thi từ cấp quận trở lên (danh sách khen thưởng, giấy khen, hình ảnh...)	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên trường (công trường, sân chơi, các tầng lầu,...)			Lưu ở học vụ
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh các hoạt động được tổ chức tại sân trường (thể dục, văn nghệ, lễ hội,...)			Lưu ở học vụ
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học của học sinh			Lưu ở học vụ

	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các phòng học bộ môn, chức năng (Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng Lý, Hoá – Sinh)			Lưu ở học vụ
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh các phòng Đoàn – Đội, Thư viện, truyền thông			Lưu ở học vụ
		[H3-3.2-04]	Danh mục các trang thiết bị đồ dùng dạy học theo quy định, đồ dùng dạy học tự làm, đĩa CD các bài giảng điện tử	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh các phòng trong khối hành chính quản trị			Lưu ở học vụ
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực để xe giáo viên và học sinh			Lưu ở học vụ
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch mua sắm, bổ sung sửa chữa thiết bị	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị, kế toán	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu vệ sinh giáo viên, học sinh, nơi bố trí các thùng rác			Lưu ở học vụ
	2	[H3-3.4-02]	Giấy chứng nhận: xét nghiệm nguồn nước máy, nước giếng; nước uống đóng chai	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Y tế, kế toán	
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt, nước uống đóng chai, thu gom rác	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Y tế, kế toán	
	4	[H3-3.4-04]	Nội dung, hình ảnh truyền truyền hướng dẫn học sinh phân loại rác	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Y tế	

Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Biên bản kiểm kê tài sản	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Kế toán	
	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng sử dụng internet	Thời điểm khảo sát 15/03/2019	Kế toán	
	3	[H3-3.5-03]	Sổ theo dõi thực hiện các tiết thực hành	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
	4	[H3-3.5-04]	Sổ theo dõi mượn đồ dùng dạy học	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh các hoạt động của thư viện			Lưu ở học vụ
	2	[H3-3.6-02]	Sổ theo dõi mượn sách, tài liệu tham khảo	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
	3	[H3-3.6-03]	Biên bản kiểm kê thư viện	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
	4	[H3-3.6-04]	Kế hoạch mua sắm sách, tài liệu...	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
	5	[H3-3.6-05]	Biên bản, kết quả kiểm tra đánh giá thư viện	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Thư viện, thiết bị	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản họp định kỳ của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	

	4	[H4-4.1-04]	Biên bản họp sơ kết, tổng kết của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Hiệu trưởng	
	6	[H4-4.1-06]	Sổ thu chi, các chứng từ... liên quan đến thu chu quỹ của Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Kế toán	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các nội dung thông tin trên website của trường tại địa chỉ: thcsphamngocthach.hcm.edu.vn	Quản trị website		
	2	[H4-4.2-02]	Nội dung giảng dạy, chuyên đề kỹ năng sống	Từ 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hình ảnh các hoạt động dạy và học (trên lớp, thực hành, ngoại khoá, chuyên đề...)			Lưu ở học vụ
	2	[H5-5.1-02]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hồ sơ học sinh hòa nhập, khuyết tật (kế hoạch, danh sách, kết quả rèn luyện,...)	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.2-02]	Danh sách học sinh được miễn giảm học phí, nhận học bổng.	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	

	3	[H5-5.2-03]	Danh sách học sinh nhận quà Tết	Từ 2015-2016 đến 2018-2019	Tổng phụ trách	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Kế hoạch, nội dung giáo dục địa phương các bộ môn	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.3-02]	Một số bản sao giáo án giáo dục địa phương các bộ môn (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật)	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.3-03]	Một số bản sao đề kiểm tra định kỳ các bộ môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật có lồng ghép nội dung giáo dục địa phương	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện	Từ 2017-2018 đến 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét duyệt	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		
	2	[H5-5.6-02]	Hồ sơ thi lại	Từ 2015-2016 đến 2018-2019		